TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày 29 - 9- 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Dũng

2. Ông Lương Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/TLST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa;

Nguyên đơn: Ông Trương Văn B ; Sinh năm 1958 (có mặt)

Nơi cư trú: CN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Hà Văn Q ; Sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi cư trú: LN, huyện Bt, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Trương Văn B trình bày:

Ngày 14/5/2018, ông Hà Văn Q có vay của ông B số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng. Khi vay, ông Q có thỏa thuận trả cho ông B mỗi tháng 3.000.000

đồng (gồm 2.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi), tuy nhiên kể từ khi vay tiền đến nay, ông Q vẫn không thực hiện việc trả tiền cho ông B theo thỏa thuận khi vay.

Nên ông B khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn Q phải trả số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 14/6/2023 là 61 tháng; 180.000.000 đ x 1,6% x 61 tháng = 2.880.000đ x 61 tháng = 175.680.000đ. Tổng cả gốc và lãi yêu cầu ông Q phải trả là 355.680.000đ

Bị đơn ông Hà Văn Q trình bày trong bản tự khai ngày 14/8/2023, bị đơn: Ông Q công nhận vào ngày 14/5/2018 có vay của ông B số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) với lãi suất 1,6%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả nợ nên ông Q xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Ông Trương Văn Q không đến tham gia phiên hòa giải và ông Trương Văn B không đồng ý việc trả dần mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) mà yêu cầu ông Q trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu tính lãi: Ông B rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi: Nay ông B yêu cầu tính lãi 180.000.000đ x 1,6%/tháng x 48 tháng = 138.240.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Nhưng ông B tự nguyện bớt tiền lãi cho ông Q 38.240.000đ chỉ yêu cầu lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi ông B yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) chẵn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

[3]. *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) có thời hạn và có lãi.

Các đương sự đều thừa nhận ông Hà Văn Quyết vay của ông Trương Văn B số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 14/5/2018, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 1,6%.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Quá trình vay ông Q chưa trả cho ông Bính dồng nào. Nay ông B khởi kiện có căn cứ chấp nhận toàn bộ tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) .

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức và pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tính lãi 180.000.000đ x 1,6%/tháng x 48 tháng = 138.240.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Nhưng nguyên đơn ông B tự nguyện bớt tiền lãi cho ông Q 38.240.000đ chỉ yêu cầu lấy 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền lãi.

Tổng cả gốc và lãi ông B yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) chẵn.

Về án phí: Các đương sự là người trên 60 tuổi và đều có đơn xin miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí nên nguyên đơn không phải nộp tạm ứng án phí, bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, Điều 92; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ áp dụng: Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 ; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Bính.

Buộc ông Hà Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn B là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc và 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi phải trả cho ông Trương Văn B là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

4. *Về án phí*: Các đương sự là người trên 60 tuổi và đều có đơn xin miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí nên nguyên đơn không phải nộp tạm ứng án phí, bị đơn không phải chịu án phí.

Án sơ thẩm có mặt ông Trương Văn B vắng mặt ông Hà Văn Q . Ông Trương Văn B được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Hà Văn Q được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo ***Cao Xuân Bằng*** ***Trần Thị Quyên***

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến ***Nguyễn Văn Đàn*** ***Trần Thị Quyên***